



45 分のテスト



KIỂM TRA 45 PHÚT

Tên (カタカナ) :

Tên (ベトナム語) :

Lớp (クラス) :

Điểm

/100

I. Nhìn tranh và chọn phương án phù hợp. (4đ x 2 = 8đ)

1.	học sinh trung học cơ sở 	a. ちゅうがくせい	b. こうこうせい
2.		a. ファックス	b. ファッタス

II. Viết các chữ sau sang chữ katakana tương ứng (2đ x 12 = 24đ).

ve		tu		wi		きゅ	
しよ		みゃ		りよ		nya	
びゅ		じえ		ぎゃ		vo	

III. Sắp xếp các từ thành câu hoành chính (1đ x 38 = 38đ)

VD : a. は b. わたし c. です d. ながた

⇒

b	a	d	c			
---	---	---	---	--	--	--

① a. ガイド b. は c. おかあさん d. です

⇒

--	--	--	--	--	--	--

② A : a. か b. が c. は d. ヒếu (ヒエウ) さん e. コーラ f. すき g. です

⇒

--	--	--	--	--	--	--

B : a. すき b. はい c. です

⇒

--	--	--	--	--	--	--

③A : a. は b. が c. か d. なに e. すき f. M i n h (ミン) さん g. です

⇒

--	--	--	--	--	--	--

B : a. は b. が c. です d. わたし e. すき f. にほんご

⇒

--	--	--	--	--	--	--

④a. は b. が c. わたし d. マンゴー e. です f. すき

⇒

--	--	--	--	--	--	--

a. も b. です c. すき d. ドリアン e. じゃない

⇒

--	--	--	--	--	--	--

IV. Hãy viết tên của chính mình và chuyển sang chữ Katakana. (1đ x 2 = 2đ)

..... →
(Tiếng Việt) . (Katakana)

V. Hãy viết các số sau sang chữ kanji. (2đ x 5 = 10đ)

1		2		3		4		5	
---	--	---	--	---	--	---	--	---	--

VI. Hãy dịch các câu hỏi sau sang tiếng Nhật và viết câu trả lời bằng tiếng Nhật. (9đ x 2 = 18đ)

①Bạn là người Việt Nam phải không?

⇒

③Bạn có thích kem không?

⇒